

PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT MỚI ĐÁP ỨNG YÊU CẦU KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN THẾ PHÚC*

Ngày nhận bài: 17/6/2025 Ngày thẩm định: 05/8/2025 Ngày duyệt đăng: 15/9/2025

Tóm tắt: Khái niệm lực lượng sản xuất mới ra đời trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ và hội nhập quốc tế sâu rộng. Những yếu tố tạo nên lực lượng sản xuất mới trong quá trình sản xuất, giúp nâng cao năng suất lao động và tiến bộ cho xã hội. Nội dung phát triển lực lượng sản xuất mới bao gồm: phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; ứng dụng và đổi mới khoa học - công nghệ; hoàn thiện cơ sở hạ tầng hiện đại; đổi mới cơ chế, chính sách, thể chế và xây dựng hệ thống tổ chức, quản lý sản xuất tiên tiến. Trên cơ sở đánh giá thực trạng phát triển lực lượng sản xuất mới ở Việt Nam hiện nay, bài viết đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm phát triển lực lượng sản xuất mới, tạo động lực cho Việt Nam bước vào kỷ nguyên phát triển của dân tộc.

Từ khóa: kỷ nguyên vườn mình; lực lượng sản xuất mới; Việt Nam

1 Đặt vấn đề

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, khái niệm lực lượng sản xuất mới được đặt ra phản ánh sự kết hợp giữa công nghệ tiên tiến với nguồn nhân lực tri thức chất lượng cao. Đây không chỉ là động lực trực tiếp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, mà còn là nền tảng để xây dựng một xã hội hiện đại, sáng tạo và bền vững. Tổng Bí thư Tô Lâm nêu rõ định hướng đưa đất nước bước vào “kỷ nguyên vườn mình của dân tộc”⁽¹⁾, đó là kỷ nguyên phát triển nhanh, bền vững, giàu mạnh và

có vị thế quốc tế cao. Muốn hiện thực hóa khát vọng này, việc phát triển lực lượng sản xuất mới trở thành nhiệm vụ mang tính chiến lược, vừa đáp ứng yêu cầu trước mắt, vừa bảo đảm tầm nhìn dài hạn. Đây chính là con đường tất yếu để tạo động lực mới cho đất nước, bảo đảm cho Việt Nam không bị tụt hậu trong cạnh tranh toàn cầu và từng bước hiện thực hóa mục tiêu của kỷ nguyên vườn mình.

2. Khái quát về lực lượng sản xuất mới và kỷ nguyên vườn mình của dân tộc

Khái niệm lực lượng sản xuất được Ph.Ăngghen lần đầu tiên đề cập trực tiếp vào năm 1845, trong bài phát biểu tại Hội nghị En-bơ-phen-đơ: “Xã hội loài người có lực lượng sản xuất hết sức phong phú, chỉ cần có tổ chức hợp lý, phân phối thỏa đáng là đem lại lợi ích lớn nhất cho tất cả mọi người”⁽²⁾.

* TS, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Từ đó, khái niệm lực lượng sản xuất được đề cập xuyên suốt trong hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và càng ngày càng được bổ sung, phát triển. Mặc dù các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin không định nghĩa trực tiếp về lực lượng sản xuất, nhưng qua những gì bàn đến (yếu tố khoa học, kỹ thuật, công nghệ, con người, tài nguyên thiên nhiên,...) đã phản ánh đầy đủ và sinh động nội hàm của khái niệm lực lượng sản xuất.

Ở Việt Nam, lực lượng sản xuất được định nghĩa là “biểu hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên. Nghĩa là, trong quá trình thực hiện sự sản xuất xã hội, con người chinh phục tự nhiên bằng tổng hợp các sức mạnh hiện thực của mình”⁽³⁾. Theo đó, các yếu tố cơ bản cấu thành lực lượng sản xuất là “người lao động và tư liệu sản xuất”⁽⁴⁾. Yếu tố người lao động bao gồm tri thức, kinh nghiệm, kỹ năng, kỹ xảo lao động,... và sức lao động. Hiện nay, với sự phát triển của khoa học - kỹ thuật, sản xuất bằng tự động hóa, hiện đại hóa thì tri thức, kinh nghiệm, kỹ năng, kỹ xảo lao động đóng vai trò quan trọng trong sản xuất. Vì vậy, khái niệm lực lượng sản xuất mới được sử dụng để phản ánh điều kiện và môi trường sản xuất mới.

Tổng Bí thư Tô Lâm đã khẳng định mục tiêu trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam: “Xây dựng thành công một đất nước phát triển, hiện đại, thịnh vượng, dưới sự lãnh đạo và cầm quyền của Đảng Cộng sản, với xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đây là kỷ nguyên mà mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc; đất nước đạt được các mốc chiến lược đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, và đến năm 2045 trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao”⁽⁵⁾. Đặc trưng của kỷ nguyên vươn mình là tinh thần tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên và sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo nên động lực tổng hợp để Việt Nam vươn mình.

Phát triển lực lượng sản xuất mới và kỷ nguyên vươn mình của dân tộc có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại chặt chẽ với nhau. Lực lượng sản xuất mới giữ vai trò là nền tảng vật chất - kỹ thuật của xã hội hiện đại, khi được phát triển sẽ tạo ra bước nhảy vọt về năng suất, phương thức sản xuất và sức cạnh tranh, qua đó cung cấp động lực trực tiếp để hiện thực hóa mục tiêu của kỷ nguyên vươn mình. Ngược lại, các yêu cầu và mục tiêu chiến lược của kỷ nguyên vươn mình lại đặt ra những chuẩn mực, tiêu chí và áp lực mới, đòi hỏi Việt Nam phải đổi mới mạnh mẽ và quyết liệt trong phát triển lực lượng sản xuất, đặc biệt ở các lĩnh vực then chốt, như nhân lực, công nghệ, hạ tầng và thể chế. Nói cách khác, phát triển lực lượng sản xuất mới là điều kiện tất yếu để bước vào kỷ nguyên vươn mình, kỷ nguyên vươn mình chính là không gian lịch sử và tầm nhìn chiến lược định hướng cho lực lượng sản xuất mới phát triển. Như vậy, hai yếu tố này bổ sung, thúc đẩy lẫn nhau, tạo ra động lực tổng hợp cho sự nghiệp phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

3. Thực trạng phát triển lực lượng sản xuất mới ở Việt Nam

Thứ nhất, về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Một trong những thách thức lớn đối với Việt Nam trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất mới là tình trạng thiếu hụt nhân lực chất lượng cao. Dù tỷ lệ lao động qua đào tạo có chứng chỉ đã tăng đáng kể trong những năm gần đây, nhưng vẫn còn thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2023, “tỷ lệ lao động có chứng chỉ đạt khoảng 26,4%”⁽⁶⁾, trong khi các nước trong khu vực Đông Nam Á, như “Thái Lan (60%), Malaysia (55%)”⁽⁷⁾, con số này ở “Nhật Bản và Hàn Quốc đều trên 90%”⁽⁸⁾. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc đổi mới giáo dục và đào tạo nghề, đặc biệt trong các ngành công nghệ cao, như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu và tự động hóa. Mặt khác, mối liên kết giữa doanh nghiệp và

các cơ sở đào tạo chưa thực sự chặt chẽ, dẫn đến mất cân đối giữa cung và cầu lao động.

Thứ hai, về đầu tư khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo

Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức trong việc nâng cao năng lực nghiên cứu và ứng dụng công nghệ vào sản xuất, lĩnh vực “cơ chế, chính sách khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo còn nhiều hạn chế, vướng mắc, chưa thực sự là quốc sách hàng đầu, động lực then chốt để phát triển lực lượng sản xuất mới”⁽⁹⁾. Dù đã có nhiều chính sách khuyến khích, tỷ lệ đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) của Việt Nam vẫn còn thấp so với các nước trong khu vực. Theo số liệu từ Ngân hàng Thế giới, “chi tiêu cho R&D của Việt Nam chỉ chiếm khoảng 0,44% GDP, trong khi con số này ở Hàn Quốc là 4,8% và Trung Quốc là 2,4%”⁽¹⁰⁾. Điều này cho thấy, mức độ đầu tư cho nghiên cứu công nghệ còn rất hạn chế, chưa đủ để tạo ra những đột phá lớn trong khoa học và đổi mới sáng tạo. Đồng thời, sự kết nối giữa các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp rời rạc, dẫn đến việc nghiên cứu thiếu tính thực tiễn và không đáp ứng kịp nhu cầu của thị trường. Nhiều doanh nghiệp Việt Nam vẫn phụ thuộc vào công nghệ nhập khẩu thay vì tự phát triển công nghệ lõi. Các sáng chế và công trình nghiên cứu trong nước chưa được ứng dụng rộng rãi vào sản xuất, làm giảm năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Thứ ba, về xây dựng cơ sở hạ tầng và tiến trình chuyển đổi số

Việc xây dựng cơ sở hạ tầng và chuyển đổi số đã đạt được một số kết quả tích cực. Tính đến năm 2024, nước ta có “82,3% hộ gia đình có kết nối internet”⁽¹¹⁾ và hơn “70.000 doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số”⁽¹²⁾, góp phần tạo nền tảng cho kinh tế số phát triển. Tuy nhiên, hạ tầng số vẫn chưa thực sự đồng bộ, sự chênh lệch rõ rệt giữa thành thị và nông thôn, cùng những bất cập trong bảo đảm an toàn thông tin, đã và đang tạo ra những rào cản không nhỏ cho việc mở rộng ứng dụng công nghệ cao trên phạm vi cả nước.

Thứ tư, về xây dựng thể chế và chính sách

Thời gian qua, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách quan trọng, như Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ “về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025””, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 27/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ “Ban hành Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030”, qua đó tạo hành lang pháp lý và cơ chế khuyến khích doanh nghiệp công nghệ phát triển. Tuy nhiên, thủ tục hành chính vẫn còn phức tạp, hệ thống pháp luật về bảo hộ sở hữu trí tuệ chưa hoàn thiện, chưa bảo đảm quyền lợi chính đáng của nhà sáng tạo, dẫn đến nhiều doanh nghiệp công nghệ gặp khó khăn trong tiếp cận thị trường và bảo vệ kết quả nghiên cứu.

Môi trường pháp lý đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy lực lượng sản xuất mới, đặc biệt là trong bối cảnh chuyển đổi số và công nghệ cao. Hiện nay, Việt Nam đã có nhiều chính sách hỗ trợ, như Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị “về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”, Luật Đầu tư năm 2020 và các cơ chế khuyến khích doanh nghiệp công nghệ phát triển. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn còn những rào cản về thủ tục hành chính, cơ chế bảo hộ sở hữu trí tuệ chưa hoàn thiện và các quy định về thuế đối với doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ còn nhiều bất cập. Hạ tầng số là yếu tố then chốt để phát triển nền kinh tế số và lực lượng sản xuất mới. Việt Nam đạt được những tiến bộ đáng kể trong việc mở rộng mạng lưới viễn thông, phủ sóng 5G và phát triển trung tâm dữ liệu, nhưng vẫn còn khoảng cách giữa khu vực thành thị và nông thôn,...

Thứ năm, về tổ chức và quản lý sản xuất

Một số mô hình quản lý sản xuất thông minh và quản trị số đã được thử nghiệm trong các tập đoàn và doanh nghiệp lớn, nhưng việc nhân rộng mô hình còn hạn chế, khả năng liên

kết giữa khu vực công - tư và giữa các doanh nghiệp trong nước yếu, làm giảm sức mạnh cộng hưởng để hình thành các chuỗi giá trị hiệu quả. Chất lượng nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu, tỷ lệ đầu tư cho R&D thấp, hạ tầng số chưa đồng bộ và thể chế pháp lý chưa thực sự thông thoáng.

Nguyên nhân chủ yếu là do tốc độ phát triển chưa bắt kịp sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ toàn cầu, các chính sách thiếu tính đột phá, liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp và các viện, trường chưa thực sự chặt chẽ. Điều này dẫn đến những thách thức không nhỏ về khoảng cách công nghệ với các nước tiên tiến, nguy cơ tụt hậu trong chuyển đổi số hiện hữu và sức ép cạnh tranh toàn cầu ngày càng gay gắt, đòi hỏi Việt Nam phải có những giải pháp căn cơ và quyết liệt trong phát triển lực lượng sản xuất mới.

4. Giải pháp phát triển lực lượng sản xuất mới trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Một là, đẩy mạnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục - đào tạo theo hướng gắn chặt với nhu cầu của thị trường lao động và yêu cầu của nền sản xuất hiện đại. “Đẩy nhanh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện, hiệu quả giáo dục, đào tạo theo hướng hiện đại, áp dụng mô hình tiên tiến”⁽¹³⁾. Việc chú trọng đào tạo các ngành STEM, ngoại ngữ và kỹ năng số, kết hợp với xây dựng mô hình hợp tác chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, sẽ giúp hình thành đội ngũ lao động tri thức có khả năng thích ứng nhanh với biến đổi công nghệ. Mặt khác, cần triển khai chính sách thu hút, đãi ngộ và trọng dụng nhân tài, đặc biệt đối với trí thức Việt Nam ở nước ngoài, nhằm hạn chế tình trạng “chảy máu chất xám” và biến nguồn nhân lực chất lượng cao thành một trong những lợi thế cạnh tranh của quốc gia. Nguồn nhân lực không chỉ thuần túy căn cứ vào bằng cấp đào tạo, mà cần chú trọng đến năng lực thực tiễn, lấy hiệu quả công việc làm thước đo chất lượng, như thành thạo nghiệp vụ, giỏi về tay nghề, có kỹ năng mềm thích nghi với

hội nhập quốc tế trong điều kiện khoa học công nghệ phát triển, giỏi về ngoại ngữ và kỹ năng làm việc nhóm,...

Hai là, tăng cường đầu tư mạnh mẽ cho R&D. Trong bối cảnh mức chi cho R&D của Việt Nam còn thấp so với khu vực và thế giới, việc phấn đấu nâng tỷ lệ này lên tiệm cận mức trung bình của các quốc gia phát triển (từ 1,5% - 2% GDP) là giải pháp mang tính chiến lược. Bên cạnh đó, cần “xây dựng và thực thi cơ chế, chính sách đột phá, ưu tiên nguồn lực phát triển hạ tầng khoa học công nghệ, các cơ sở nghiên cứu và phát triển các ngành công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ số, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghệ điện tử, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ hạt nhân, năng lượng nguyên tử, công nghệ không gian vũ trụ”⁽¹⁴⁾ trong các lĩnh vực then chốt, như trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, vật liệu mới, chip bán dẫn và năng lượng tái tạo. Liên kết chặt chẽ giữa viện nghiên cứu với trường đại học và các doanh nghiệp, bảo đảm đưa sản phẩm nghiên cứu ra thị trường, Việt Nam mới có thể từng bước làm chủ công nghệ lõi và nâng cao năng lực tự chủ công nghệ.

Ba là, cần ưu tiên trong chiến lược đầu tư quốc gia, đẩy nhanh tiến độ phủ sóng 5G toàn quốc, phát triển trung tâm dữ liệu quốc gia, hạ tầng điện toán đám mây, nền tảng dữ liệu lớn và blockchain để tạo nền tảng kỹ thuật cho sản xuất hiện đại. Đặc biệt, thu hẹp khoảng cách số giữa thành thị và nông thôn là giải pháp quan trọng để bảo đảm tính công bằng trong tiếp cận công nghệ, mở rộng không gian phát triển kinh tế số. Các dự án về đô thị thông minh, khu công nghệ cao và hệ thống logistics thông minh cần được thúc đẩy, từ đó hình thành hệ sinh thái công nghệ đồng bộ, tạo thuận lợi cho lực lượng sản xuất mới vận hành.

Bốn là, cần đổi mới cơ chế quản lý nhà nước theo hướng kiến tạo và hỗ trợ. Cải cách thủ tục hành chính, số hóa quy trình quản lý,

nâng cao tính minh bạch và thông thoáng của môi trường pháp lý là những điều kiện cần thiết để tạo niềm tin và động lực cho doanh nghiệp, “xóa bỏ triệt để cơ chế “xin - cho”⁽¹⁵⁾. Đặc biệt, hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ cần được hoàn thiện nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhà sáng tạo, khuyến khích nghiên cứu và phát minh. Việc thiết lập cơ chế ưu đãi thuế, vốn và tín dụng cho doanh nghiệp công nghệ, đặc biệt là doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, là giải pháp có tính chất thúc đẩy trực tiếp. Đồng thời, cần mở rộng các hình thức hợp tác công - tư trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ mới, lấy đó làm động lực để gia tăng nguồn lực xã hội cho đổi mới sáng tạo. Trên phương diện tổ chức và quản lý sản xuất, Việt Nam cần thúc đẩy mạnh mẽ quá trình áp dụng mô hình sản xuất thông minh và quản trị số trong doanh nghiệp. Điều này vừa nâng cao hiệu quả quản lý, vừa góp phần hình thành các chuỗi giá trị có sức cạnh tranh quốc tế. Việc phát triển các cụm ngành công nghệ cao, gắn kết doanh nghiệp lớn với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, sẽ tạo ra sự cộng hưởng, gia tăng sức mạnh tổng thể của nền sản xuất quốc gia. Cùng với đó, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cần được gắn kết chặt chẽ với các viện nghiên cứu, trường đại học và tập đoàn công nghệ lớn trong và ngoài nước để mở rộng khả năng hội nhập vào mạng lưới sản xuất và công nghệ toàn cầu.

Năm là, phát huy sức mạnh văn hóa và tinh thần dân tộc trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất mới. Việc khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường, khát vọng vươn mình và xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội tạo động lực nội sinh bền vững. Kết hợp hài hòa giữa giá trị truyền thống và hiện đại giúp ổn định nền tảng xã hội, tạo sự đồng thuận cao trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển, “thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa”⁽¹⁶⁾.

Tóm lại, phát triển lực lượng sản xuất mới là yêu cầu tất yếu, đồng thời là điều kiện quyết định để Việt Nam bước vào kỷ nguyên vươn mình. Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp về nhân lực, khoa học - công nghệ, hạ tầng, thể chế và tổ chức quản lý sản xuất không chỉ nhằm phát huy nội lực, mà còn để tranh thủ sức mạnh thời đại, tạo thế và lực mới đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển, thu nhập cao, đóng góp xứng đáng vào tiến bộ chung của nhân loại □

(1) Tổng Bí thư Tô Lâm, *Một số nhận thức cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*, Tạp chí Cộng sản, Số 1050 (11/2024), tr.1

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.727

(3) và (4) Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.435 và 435

(5) Tổng Bí thư Tô Lâm trao đổi chuyên đề “*Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam*”, <https://www.tapchicongsan.org.vn>, ngày 25/11/2024

(6) Tổng cục Thống kê, *Thông cáo báo chí tình hình lao động việc làm quý I năm 2023*, <https://www.nso.gov.vn>, ngày 06/4/2023

(7) và (8) Song Hoàng, *Để Việt Nam không còn lao động giá rẻ*, <https://rc2.vneconomy.vn>, ngày 28/3/2025

(9), (13), (14), (15) và (16) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng* (Tài liệu sử dụng tại Đại hội Đảng bộ cấp xã, cấp tỉnh và tương đương), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2025, tr.16, 326, 323, 313 và 335

(10) và (11) Bộ Khoa học và Công nghệ, *Internet Việt Nam: Ba mươi năm phát triển thần tốc*, <https://mst.gov.vn>, ngày 27/12/2024

(12) Vương Trần, *Việt Nam đang có hơn 70.000 doanh nghiệp công nghệ số*, <https://laodong.vn>, ngày 10/7/2024